

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Phạm Thị Ngọc Nga, Lê Thị Nhân Duyên, Trịnh Minh Thiết, Âu Xuân Sâm*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: ptnnga@ctump.edu.vn*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Trong xu thế cạnh tranh tuyển sinh hiện nay, đối với các trường đại học nói chung, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) nói riêng, để thu hút thí sinh vào cơ sở đào tạo, bên cạnh quảng bá thương hiệu, nâng cao uy tín, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất thì việc tìm hiểu các nhân tố nào ảnh hưởng đến quyết định chọn trường cũng là điều rất cần thiết. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định và đánh giá mức độ tác động các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn vào Trường Đại học Y Dược Cần Thơ của sinh viên hệ chính quy năm nhất. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 500 sinh viên trúng tuyển tại Trường ĐHYDCT năm học 2019-2020, bao gồm 8 ngành: Y đa khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Dược học; Điều dưỡng; Răng hàm mặt; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Y tế công cộng. Số liệu thu thập bằng phiếu khảo sát và được xử lý thống kê bởi phần mềm SPSS 20.0. **Kết quả:** Có 4/42 biến quan sát bị loại khi tiến hành xác định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha; sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA) có 27/38 biến quan sát còn lại được chọn phân tích hồi qui bội và kết quả nghiên cứu ghi nhận có 13 biến quan sát thuộc 3 nhân tố bao gồm: (1) Đặc điểm cá nhân; (2) Danh tiếng trường và (3) Học phí có tác động thuận chiều đến quyết định chọn trường của sinh viên. **Kết luận:** Kết quả nghiên cứu đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng từ đó làm cơ sở đề xuất các biện pháp thu hút người học, giúp công tác tuyển sinh hiệu quả, đảm bảo công tác đào tạo và từ đó góp phần ổn định nguồn thu sự nghiệp cho Trường.

Từ khóa: Đại học Y Dược Cần Thơ, chọn trường đại học, quyết định.

ABSTRACT**FACTORS AFFECTING THE DECISION OF STUDENTS IN ENROLLING AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE MEDICINE****Pham Thi Ngoc Nga, Le Thi Nhan Duyen, Trinh Minh Thiet, Au Xuan Sam***Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

Background: In the current trend of enrollment competition, for universities in general, Can Tho University of Medicine and Pharmacy in particular, to attract candidates to training institutions, in addition to promoting brands, improving prestige, quality of teaching, facilities, it is also essential to find out which factors affect the decision to choose a school. **Objectives:** To determine and to evaluate the impact of factors affecting the decision to enroll at Can Tho University of Medicine and Pharmacy of full-time freshman students. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive studies in 500 students admitted to Can Tho University of Medicine and Pharmacy in the academic year 2019-2020, including 8 majors: General medicine; Preventive medicine; Traditional medicine; Pharmacy; Nursing; dental doctor; Medical testing techniques; Community health. Data collected by survey questionnaire and statistically processed by SPSS 20.0 software. **Results:** 4/42 observed variables were rejected when determining the reliability of the scale Cronbach's Alpha; After analyzing the exploratory factor, 27/38 remaining items were selected for multiple regression analysis and the study results recorded 13 observed variables belonging to 3 factors, including: (1) personal score; (2) The reputation of the school and (3) Tuition fees had a positive influence on the student's choice of school. **Conclusions:** The research results have identified the influencing factors, thereby serving as a basis for proposing measures to attract learners, helping the enrollment to be effective, ensuring training and contributing to stability, determine the career revenue of the school.

Keywords: Can Tho University of Medicine and Pharmacy, choice of University, decision.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, theo số liệu thống kê từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2019 -2020 có khoảng 237 trường đại học, học viện, bao gồm 172 trường công lập, 60 trường tư thục và dân lập, 5 trường có 100% vốn nước ngoài. Và cũng theo thống kê này, có đến 52 trường đại học, cao đẳng đào tạo Y Dược, trong số đó có khoảng 14 trường đại học chỉ đào tạo các ngành thuộc khối sức khỏe. Các trường còn lại có đào tạo 1-2 ngành liên quan tới khối sức khỏe. Theo thực trạng, hiện nay, đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các trường đại học công lập, đại học ngoài công lập. Dự báo, sẽ có một số trường đại học không tồn tại vì không tuyển được sinh viên [1], [2], [4], [7].

Trong xu thế cạnh tranh tuyển sinh, đối với các trường đại học nói chung, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) nói riêng, để thu hút thí sinh vào cơ sở đào tạo, bên cạnh quảng bá thương hiệu, nâng cao uy tín, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất thì việc tìm hiểu các nhân tố nào ảnh hưởng đến quyết định chọn trường cũng là điều rất cần thiết. Còn đối với các thí sinh và gia đình, việc lựa chọn trường để dự thi hay đăng ký nguyện vọng xét tuyển cũng không dễ dàng và đây cũng là một quyết định quan trọng. Trong việc đưa ra quyết định chọn trường, các thí sinh gặp rất nhiều vấn đề như: chọn trường phù hợp với năng lực, sở thích của mình, hay phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình, hay đơn giản chọn trường theo ý kiến của những người khác hoặc theo xu hướng chung của bạn bè tìm đến các trường có danh tiếng hoặc chỉ chọn trường theo cảm tính ... Xuất phát từ thực tế trên nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu: Xác định và đánh giá mức độ tác động

các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn vào Trường Đại học Y Dược Cần Thơ của sinh viên hệ chính quy năm nhất.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Sinh viên hệ chính quy năm nhất (Khóa 45)

- **Tiêu chuẩn chọn:**

Sinh viên trúng tuyển tại Trường ĐHYDCT năm học 2019-2020, theo thông báo số: 1067/TB-ĐHYDCT, ngày 08/09/2019, bao gồm 8 ngành: Y đa khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Dược học; Điều dưỡng; Răng hàm mặt; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Y tế công cộng.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không đồng ý tham gia khảo sát

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu:

Theo Hair và các cộng sự (1998), đối với phân tích nhân tố khám phá (EFA) cỡ mẫu tối thiểu $n \geq 5 \cdot x$ (x: tổng số biến quan sát) [6]. Đối với tác giả Tabachnick và Fidell (1996) để tiến hành phân tích hồi qui một cách tốt nhất, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính theo công thức $n \geq 8k + 50$ (k là tổng số biến độc lập) [9].

Trong nghiên cứu này với thang đo gồm: 42 biến quan sát, 06 biến độc lập, 01 biến phụ thuộc, để nghiên cứu vừa phân tích nhân tố khám phá vừa phân tích hồi qui một cách tốt nhất, chúng tôi chọn cỡ mẫu cao nhất, cụ thể:

+ Theo phương pháp nghiên cứu nhân tố EFA: $n = 5 \cdot 42 = 210$

+ Theo phương pháp hồi: $n = 8 \cdot 6 + 50 = 98$.

Vậy cỡ mẫu cần nghiên cứu tối thiểu là 210 quan sát. Tuy nhiên, để nghiên cứu có độ tin cậy cao nhất và dự phòng phiếu khảo sát không đạt yêu cầu do các yếu tố khách quan, nghiên cứu chọn cỡ mẫu là 500 quan sát.

Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu: chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống với khoản cách $k = 2$ [3].

Nội dung nghiên cứu

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: giới tính, khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên, quyết định chọn trường và chọn ngành.

Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn vào Trường ĐHYDCT:

- Xây dựng phiếu khảo sát theo thang đo Likert 5 điểm (1932) với các mức độ: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Không ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý cho 42 biến quan sát, cụ thể:

+ 6 biến độc lập gồm: Danh tiếng trường Đại học (6 biến quan sát); Cơ sở vật chất trường Đại học (6 biến quan sát); Học phí và chính sách của trường Đại học (5 biến quan sát); Chuẩn chủ quan (8 biến quan sát); Truyền thông (8 biến quan sát); Đặc điểm cá nhân (5 biến quan sát).

+ 1 biến phụ thuộc: Quyết định chọn trường Đại học (4 biến quan sát).

- Đánh giá mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Trường ĐHYDCT bằng cách sử dụng phần mềm SPSS 20.0:

+ Đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo

+ Thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA (exploratory factor analysis) để đánh giá và kiểm định thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát.

+ Loại bỏ các biến rác và chọn thang đo có độ tin cậy cao tiếp tục kiểm định bằng phương pháp hồi qui đa biến.

- Tổng kết hệ số tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Trường ĐHYDCT.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu phân bổ trong các ngành học

STT	Ngành học	Số mẫu quan sát
1	Y đa khoa	220
2	Y học dự phòng	45
3	Y học cổ truyền	40
4	Dược học	42
5	Điều dưỡng	46
6	Răng – Hàm – Mặt	40
7	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	50
8	Y tế công cộng	17
	Tổng cộng	500

Nhận xét: Có tổng 500 sinh viên thuộc 8 ngành học tham gia nghiên cứu, và số lượng nhiều nhất là Y đa khoa 220 sinh viên, ít nhất là Y tế công cộng có 17 sinh viên.

Bảng 2. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

TT	Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nữ	295	59
		Nam	205	41
2	Khu vực ưu tiên	Khu vực 1	162	32,4
		Khu vực 2 – Nông thôn	127	25,4
		Khu vực 2	140	28
		Khu vực 3	71	14,5
3	Đối tượng ưu tiên	Đối tượng cộng 2,0 điểm	221	44,2
		Đối tượng cộng 1,0 điểm	33	6,6
		Đối tượng còn lại	246	49,2
4	Quyết định chọn trường	Lớp 12	427	85,4
		Lớp 9, 10, 11	73	14,6
5	Quyết định chọn ngành	Lớp 12	428	85,6
		Lớp 9, 10, 11	72	14,4

Nhận xét: Có 59% đối tượng tham gia nghiên cứu là nữ, các đối tượng chủ yếu thuộc nhóm khu vực 1 (32,4%) và thuộc nhóm đối tượng ưu tiên cộng 2.0 điểm trong thi tuyển sinh (44,2%). Quyết định chọn Trường và chọn ngành chủ yếu ở lớp 12 lần lượt là 85,4% và 85,6%.

3.2. Xác định và đánh giá mức độ tác động các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn vào Trường ĐHYDCT

3.2.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Bảng 3. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha của các khái niệm nghiên cứu

TT	Thang đo	Số biến quan sát			Cronbach's Alpha
		Ban đầu	Đạt	Loại	
1	Danh tiếng trường Đại học	6	6	0	0,865

TT	Thang đo	Số biến quan sát			Cronbach's
		Ban đầu	Đạt	Loại	Alpha
2	Cơ sở vật chất trường Đại học	6	6	0	0,843
3	Học phí và chính sách	5	5	0	0,843
4	Chuẩn chủ quan	8	6	2	0,842
5	Truyền thông	8	6	2	0,842
6	Đặc điểm cá nhân	5	5	0	0,654
7	Quyết định chọn trường Đại học	4	4	0	0,834
Tổng cộng		42	38	4	

Nhận xét: Kết quả kiểm định độ tin cậy có tổng cộng 4 biến quan sát không đạt yêu cầu vì có hệ số tương quan biến tổng $< 0,3$ nên bị loại khỏi mô hình.

3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Bảng 4. Các nhân tố và các biến quan sát sau kết quả phân tích nhân tố khám phá

Nhân tố	Các quan sát sắp theo hệ số tải nhân tố	Hệ số Eigenvalues	Cronbach's Alpha	Hệ số KMO	Tổng phương sai trích đạt
X ₁ -Danh tiếng trường	DT ₄ , DT ₃ , DT ₅ , DT ₂ , DT ₁ , DT ₆	5,929	0,864	0,863	63,979%
X ₂ -Thông tin	TT ₄ , TT ₅ , TT ₃ , TT ₆ , TT ₈ , TT ₇	5,129	0,842		
X ₃ -Chuẩn chủ quan	CCQ ₄ , CCQ ₆ , CCQ ₂ , CCQ ₅ , CCQ ₃	2,103	0,873		
X ₄ -Học phí	HPCS ₂ , HPCS ₁ , HPCS ₃	1,626	0,861		
X ₅ -Cơ sở vật chất	CSVC ₃ , CSVC ₆ , CSVC ₄ , HPCS ₅	1,445	0,761		
X ₆ -Đặc điểm cá nhân	DDCN ₁ , DDCN ₂ , DDCN ₄	1,042	0,681	0,794	67,140%
Y-Quyết định chọn trường	QD ₁ , QD ₃ , QD ₂ , QD ₄	2,686			

Nhận xét: Có 27 trong 34 biến độc lập của thang đo quyết định chọn trường được nhóm thành 6 nhân tố (X₁, X₂, X₃, X₄, X₅, X₆) có ý nghĩa thực tiễn vì có hệ số tải nhân tố (trọng số) của các biến đều lớn hơn 0,5; hệ số KMO = 0,863 $> 0,5$. Tổng phương sai trích đạt 63,979% $> 50\%$ thể hiện rằng các nhân tố giải thích được 64,955% dữ liệu nghiên cứu và sẽ được giữ lại trong mô hình nghiên cứu do có hệ số Eigenvalues > 1 ; Kiểm định lại hệ số Cronbach's Alpha, “Danh tiếng trường” có mức ảnh hưởng cao nhất (0,864).

Có 4 biến phụ thuộc của thang đo tạo thành 1 nhân tố duy nhất tại điểm dừng Eigenvalue = 2,686 > 1 , có phương sai trích đạt = 67,140%; Hệ số tải nhân tố của các biến đều lớn hơn 0,5; Hệ số KMO = 0,794 $> 0,5$ nên EFA phù hợp với dữ liệu.

3.2.3. Kết quả phân tích hồi qui

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi qui 6 nhân tố

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Sig.	VIF
	Beta	Độ lệch chuẩn	Beta		
(Hằng số)	0,329	0,200		0,100	

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Sig.	VIF
	Beta	Độ lệch chuẩn	Beta		
X₁-Danh tiếng trường	0,234	0,053	0,194	0,000	1,614
X ₂ -Thông tin	0,036	0,031	0,040	0,253	1,041
X ₄ -Học phí	0,066	0,037	0,070	0,073	1,261
X₅-Cơ sở vật chất	0,133	0,052	0,118	0,011	1,786
X₆-Đặc điểm cá nhân	0,459	0,041	0,434	0,000	1,231

Nhận xét: Có 3 nhân tố tác động đến quyết định chọn trường của sinh viên theo thứ tự từ thấp đến cao gồm có: X₆- Đặc điểm cá nhân có ảnh hưởng lớn nhất với hệ số $\beta = 0,434$; tiếp theo X₁- Danh tiếng Trường có ảnh hưởng cao thứ hai với hệ số $\beta = 0,194$ và cuối cùng là biến X₅- Cơ sở vật chất với hệ số $\beta = 0,118$.

* Kết quả các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường của sinh viên ĐHYDCT

Bảng 6. Các nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường của sinh viên ĐHYDCT

Các biến quan sát	Ký hiệu	Trung bình
X₆-Đặc điểm cá nhân với hệ số $\beta = 0,434$, Sig. 0,000 < 0,05		3,55
1. Tôi chọn ĐHYDCT vì phù hợp với năng lực học tập	DDCN ₁	3,60
2. Điểm chuẩn tuyển sinh tạo nên niềm tự hào cho sinh viên	DDCN ₂	3,55
3. Tôi chọn ĐHYDCT vì phù hợp sở thích, năng khiếu và nguyện vọng cá nhân	DDCN ₄	3,52
X₁-Danh tiếng trường với hệ số $\beta = 0,194$, Sig. 0,00 < 0,05		3,90
4. ĐHYDCT có đội ngũ giảng viên (Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, ...) uy tín và danh tiếng trong và ngoài nước	DT ₂	4,01
5. ĐHYDCT có chương trình đào tạo đa dạng và chất lượng đạt chuẩn	DT ₃	3,99
6. ĐHYDCT là Thương hiệu nổi tiếng	DT ₁	3,96
7. Tốt nghiệp ở ĐHYDCT nhận được nhiều cơ hội việc làm	DT ₄	3,87
8. Cơ hội được tiếp tục học tập và nghiên cứu Sau Đại học ở ĐHYDCT	DT ₅	3,87
9. ĐHYDCT có nhiều Cựu sinh viên đã trở thành các nhà khoa học nổi tiếng, các nhà quản lý cao cấp, ... trong và ngoài nước	DT ₆	3,69
X₅-Cơ sở vật chất với hệ số $\beta = 0,118$, Sig. 0,016 < 0,05		3,85
10. ĐHYDCT có mạng lưới các cơ sở thực hành, quy mô và đa dạng chuyên môn như: BV Đa khoa Trung ương Cần Thơ, BV Đa khoa Cần Thơ, BV Nhi đồng Thành phố Cần Thơ, BV Ung Bướu Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ, BV Da liễu Cần Thơ, ...	CSVC ₆	4,07
11. ĐHYDCT có khuôn viên trường an ninh và an toàn	CSVC ₃	3,90
12. ĐHYDCT có nhiều chính sách học bổng cho sinh viên có kết quả học tập tốt (Học bổng khuyến học, Quỹ học bổng thấp sáng Niềm tin, ...)	HPCS ₅	3,87
13. ĐHYDCT bố trí kích cỡ/Sĩ số lớp học phù hợp	CSVC ₄	3,56

Nhận xét: Có 13 biến quan sát đã được kiểm định, đạt giá trị hội tụ đại diện cho các khái niệm nghiên cứu thì tất cả đều đạt trị ở mức ý nghĩa “Đồng ý”.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu có tổng 500 sinh viên thuộc 8 ngành học hệ chính quy khoá 45 tham gia nghiên cứu (Bảng 1). Số liệu sinh viên các ngành khác nhau là do sĩ số của mỗi ngành

không tương đồng và với cách chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống, ngành có số lượng càng nhiều, sinh viên được chọn nghiên cứu sẽ nhiều hơn. Cụ thể: Y đa khoa có đến 220 sinh viên, Y học học dự phòng có 45 sinh viên,... và ít nhất là Y tế công cộng có 17 sinh viên.

Về giới tính: có 295 nữ, chiếm lệ 59%; nam có 205, chiếm tỷ lệ 41%. Kết quả khảo sát sinh viên phân theo khu vực sinh viên được hưởng điểm cộng ưu tiên như sau: Số lượng nhiều nhất là sinh viên thuộc “Khu vực 1-KV1” chiếm tỷ lệ 32,4%. Thứ hai là “Khu vực 2-KV2” với điểm ưu tiên khu vực là 0,25 điểm, chiếm tỷ lệ là 28%. Tiếp theo, “Khu vực 2-Nông thôn, KV2-NT” với điểm ưu tiên khu vực là 0,5 điểm có 127 sinh viên, chiếm tỷ lệ 25,4%. Cuối cùng là “Khu vực 3-KV3” đối tượng không được hưởng điểm cộng có 71 sinh viên. Kết quả phân tích cho thấy có đến 85,80% (Bảng 2) sinh viên trúng tuyển thuộc đối tượng được hưởng ưu tiên khu vực.

Về đặc điểm thời điểm hoàn thành quyết định chọn trường, chọn ngành, kết quả khảo sát ghi nhận lần lượt 85,4%, 85,6% (Bảng 2) quyết định chọn trường và chọn ngành trong năm học lớp 12, năm học các học sinh thực hiện hồ sơ đăng ký nguyện vọng. Đây là yếu tố Trường cần lưu ý để có phương án tối ưu cho công tác tuyển truyền tuyển sinh.

4.2. Xác định và đánh giá mức độ tác động các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn vào Trường ĐHYDCT

4.2.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Thang đo sẽ được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha nhằm tìm ra các câu hỏi cần giữ lại và những câu hỏi cần bỏ đi [3] hay nói cách khác phương pháp này giúp loại đi những biến quan sát và thang đo không phù hợp. Cụ thể, các biến quan sát sẽ được chọn khi thỏa 2 điều kiện: (1) Hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item - Total Correlation) lớn hơn 0,3; (2) Hệ số Cronbach's Alpha (α) từ 0,6 trở lên [8].

Sau khi phân tích kiểm định Cronbach's Alpha nghiên cứu ghi nhận: có 38/42 biến quan sát thuộc 6 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của sinh viên đạt yêu cầu về độ tin cậy vì hệ số $\alpha > 0,6$ và hệ số tương quan giữa biến tổng $> 0,3$; bốn biến quan sát bị loại khỏi nghiên cứu vì có hệ số tương quan biến tổng $< 0,3$ nên bị loại khỏi mô hình. Cụ thể: 02 biến trong nhân tố “Chuẩn chủ quan: “Tôi chọn ĐHYDCT do trường cung cấp chuyên ngành đào tạo đa dạng” và “Tôi chọn ĐHYDCT do vị trí trường thuận tiện cho đi lại và học tập”; 02 biến trong nhân tố “Truyền thông”: “Website của trường” và “Các trang mạng xã hội như: facebook, Zalo, ...”. Sau khi kiểm định độ tin cậy, các thang đo đạt độ tin cậy sẽ được giữ lại mô hình và tiến hành phân tích trong phân tích EFA tiếp theo. Nhiều nhà nghiên cứu đồng ý rằng khi hệ số Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên đến gần 1 thì thang đo lường tốt, từ 0,7 đến gần 0,8 là sử dụng được [3]. Trong kết quả nghiên cứu này đa số các thang đo đều có hệ số $\alpha > 0,8$ (Bảng 3).

4.2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

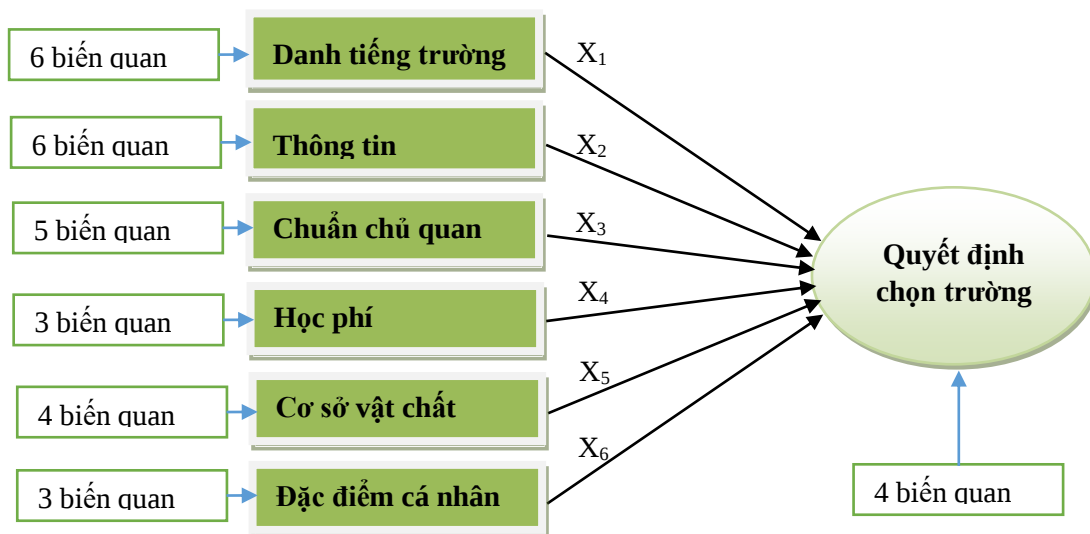
Phân tích nhân tố được sử dụng chủ yếu để đánh giá giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Trong phân tích nhân tố EFA, một số các chỉ số quan trọng bao gồm: (1) Chỉ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin measure of sampling adequacy): là chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số của KMO lớn (giữa 0,5 và 1) là điều kiện đủ để cho thấy phân tích nhân tố là phù hợp. Nếu chỉ số KMO $< 0,5$ thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp với các dữ liệu [3]; (2) Hệ số tải nhân tố (factor loadings): là hệ số tương quan đơn giữa các biến và các nhân tố. Factor loadings là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của EFA (ensuring practical significance). Factor loadings $> 0,3$ được xem là mức tối thiểu; $> 0,4$ được xem là quan trọng và $\geq 0,5$ được xem là có ý nghĩa thực

tiền [3]; (3) Thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích lớn hơn 50% [5]; (4) Hệ số Eigenvalue đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố. Những nhân tố có hệ số Eigenvalue > 1 sẽ được giữ lại trong mô hình phân tích, < 1 sẽ không có tác dụng tóm tắt thông tin tốt [3].

Biến độc lập: Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy 27 trong 34 biến quan sát được chấp nhận có ý nghĩa thực tiễn vì: (1) Hệ số KMO = 0,863 > 0,5 nên phân tích EFA phù hợp với dữ liệu; (2) Hệ số tải nhân tố (trọng số) của các biến đều lớn hơn 0,5 nên các biến này có ý nghĩa thực tiễn; (3) Tổng phương sai trích đạt 63,979% > 50% thể hiện rằng các nhân tố giải thích được 64,955% dữ liệu nghiên cứu; (4) Điểm dừng Eigenvalue = 1,042 > 1, thang đo được chấp nhận. Sau khi hoàn tất việc phân tích EFA, 6 nhân tố được đặt lại tên biến mới, cụ thể: X₁ – Danh tiếng Trường Đại học (có 6 biến), X₂ – Thông tin (có 6 biến), X₃ – Chuẩn chủ quan (có 5 biến), X₄ – Học phí (có 3 biến), X₅ – Cơ sở vật chất Trường Đại học (có 4 biến), X₆ – Đặc điểm cá nhân (có 3 biến), các biến này sẽ được giữ lại trong mô hình nghiên cứu và kiểm định lại hệ số Cronbach's Alpha (Bảng 4). Kết quả nghiên cứu ghi nhận “Danh tiếng trường” với $\alpha = 0,864$, nhân tố này có độ tin cậy cao nhất.

Biến phụ thuộc: Kết quả phân tích EFA ghi nhận, có 4 biến phụ thuộc của thang đo phù hợp với dữ liệu và chúng tạo thành 1 nhân tố duy nhất *Y- Quyết định chọn trường* với điểm dừng Eigenvalue = 2,686 > 1; Phương sai trích đạt = 67,140%; Hệ số tải nhân tố của các biến đều lớn hơn 0,5; Hệ số KMO = 0,794 > 0,5 (Bảng 4). Như vậy, từ mô hình ban đầu 42 biến quan sát thuộc 6 biến độc lập và một biến phụ thuộc, thông qua kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích EFA, có tổng cộng 11 biến quan sát bị loại. Kết quả nghiên cứu khẳng định 27 biến quan sát biểu thị quyết định chọn trường Đại học đã đạt giá trị hội tụ. Hay nói cách khác, 27 biến quan sát đã đại diện được cho các khái niệm nghiên cứu cần phải đo - nó chính là các yếu tố tham gia vào quyết định chọn trường ĐHYDCT của sinh viên.

Từ kết quả trên ta xây dựng được mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh

4.2.3. Kết quả phân tích hồi qui

Phương pháp hồi qui tuyến tính bội xác định mức ý nghĩa và mối tương quan tuyến tính của các biến trong mô hình nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, phân tích hồi qui được thực hiện nhằm đo lường mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường của sinh viên. Hệ số Beta của một nhân tố nào càng lớn thì nhân tố đó có ảnh hưởng càng lớn đến quyết định chọn trường của sinh viên.

Kết quả phân tích hồi qui, nghiên cứu ghi nhận có 3 nhân tố tác động đến quyết định chọn trường của sinh viên theo thứ tự từ thấp đến cao gồm có: X_6 - Đặc điểm cá nhân có ảnh hưởng lớn nhất với hệ số $\beta = 0,434$; tiếp theo X_1 - Danh tiếng Trường có ảnh hưởng cao thứ hai với hệ số $\beta = 0,194$ và cuối cùng là biến X_5 - Cơ sở vật chất với hệ số $\beta = 0,118$ (Bảng 5).

Với giá trị trung bình đối với thang đo khoảng -Linket 5 điểm-Interval Scale: 1,00-1,80: Hoàn toàn không đồng ý; 1,81-2,60: Không đồng ý; 2,61-3,40: Bình thường; 3,41-4,20: Đồng ý; 4,21-5,00: Hoàn toàn đồng ý. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định chọn trường của sinh viên ở mức tương đối cao. Cụ thể, trong 13 biến quan sát (Bảng 6) thì tất cả đều đạt trị ở mức ý nghĩa “Đồng ý”. Các kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học vững chắc để Trường đề xuất những giải pháp phù hợp nâng cao tác động của từng nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Phân tích đánh giá mức độ tác động các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn vào Trường Đại học Y Dược Cần Thơ của sinh viên hệ chính quy năm nhất, trong tổng 42 biến quan sát, có 4 biến quan sát bị loại khi tiến hành xác định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha do hệ số tương quan biến tổng $< 0,3$. 38 biến quan sát còn lại sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA) chỉ có 27 biến được chọn phân tích hồi qui bội. Và từ kết quả phân tích hồi qui, nghiên cứu ghi nhận có 13 biến quan sát thuộc 3 nhân tố bao gồm: (1) Đặc điểm cá nhân; (2) Danh tiếng trường và (3) Học phí được xác định là có tác động thuận chiều đến quyết định chọn Trường của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Mai, Nguyễn Thị Thu Hương (2018), Các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn chương trình cử nhân Học viện Ngân hàng của người học, *Tạp chí Phát triển nguồn lực*, số 193, tr. 65-75
2. Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009), Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của học sinh phổ thông trung học, *Tạp chí Phát triển Khoa học và công nghệ*, tập 12, số 15, tr. 87-96.
3. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 1 & tập 2. NXB Hồng Đức, TP. HCM.
4. Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa (2017), Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn học theo chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, *Tạp chí Khoa học – Đại học Huế*, tập 126, số 5, tr.29-42.
5. Anderson, J. C., & Gerbing, D. W. (1988). Structural equation modeling in practice: A review and recommended two-step approach. *Psychological Bulletin*, 103(3), pp.411–423
6. Hair J.F., Tatham R.L., Anderson R.E. and Black W. (1998), *Multivariate Data Analysis, 5th Edition*, New Jersey: Prentice-Hall, Inc.
7. Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (1996), *Using Multivariate Statistics (3rd ed.)*. New York: Harper Collins.

7. Marvin J. Burns (2006), *Factors influencing the college of African American student admitted to the college of Agriculture, Food and Natural Resources*. Thesis of Master of Science in Agricultural Education, Faculty of the Graduate School University of Missouri-Columbia.
8. Nunnally, J.C. and Bernstein, I.H. (1994), The Assessment of Reliability. *Psychometric Theory*, Vol 3, pp. 248-292.
9. Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (1996), *Using Multivariate Statistics* (3rd ed.). New York Harper Collins.

(Ngày nhận bài: 15/09/2020 - Ngày duyệt đăng: 20/12/2020)
